

Số: 183/2015/NQ-HĐQT

Ninh Hòa, ngày 31. tháng 07... năm 2015

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 ;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS thông qua ngày 12/06/2014;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số: 182/2015/BBH-HĐQT ngày .31./07/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua Hợp đồng sáp nhập với các nội dung chính đúng với bản Dự thảo hợp đồng đã được Đại hội đồng cổ đông 2 công ty thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 198/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2015 của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS ngày 12/06/2014 của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
Ủy quyền cho Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập.

Điều 2: Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (công ty nhận sáp nhập) sau sáp nhập. Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS) hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, do vậy Điều lệ của Công ty đã tuân thủ theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết. Sau khi hoán đổi cổ phiếu với Đường Ninh Hòa, bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 198/2015/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa thông qua ngày 26/06/2015 vẫn phù hợp với các quy định của Pháp luật liên quan nên sẽ tiếp tục được sử dụng mà không cần phải chỉnh sửa, bổ sung, ngoại trừ việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại Khoản 1 Điều 5 phát sinh từ việc phát hành thêm cổ phiếu BHS để hoán đổi và sáp nhập.



Điều 3: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trong Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THỊ HOA

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Tp HCM;
- Trung tâm LK&CK Việt Nam;
- Các TV HĐQT; Ban TGD;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

(Số: ...)

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA (BHS)

và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA (NHS)

Tp.HCM, tháng .../2015

Hợp đồng sáp nhập này ("**Hợp Đồng**") được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm 2015 ("**Ngày Ký Kết**") giữa và bởi các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA (BHS) - CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/05/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21/01/2015.
- Đại diện theo pháp luật: bà **Nguyễn Thị Hoa** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Đại diện ký hợp đồng: ... - Chức vụ: ...
(*Giấy ủy quyền số ... ngày ...*)

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA (NHS) - CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200636590 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/04/2015.
- Đại diện theo pháp luật: bà **Nguyễn Thị Hoa** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**các Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**").

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 204/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 19/11/2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa số 198/2015/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng sáp nhập ngày 26/06/2015;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS thông qua phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng sáp nhập ngày 12/06/2014;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa số ... thông qua Hợp đồng sáp nhập ngày ...;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa số ... thông qua Hợp đồng sáp nhập ngày ...;

- CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG

Xét vì, Bên A và Bên B là các công ty cổ phần đang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (“**HSX**”) với mã giao dịch là BHS và NHS, cùng mong muốn tiến hành việc tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Bên B vào Bên A để nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của các Bên, nâng cao năng lực tài chính, phát triển thương hiệu, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư và vì lợi ích tốt nhất của các cổ đông của các Bên;

Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) của Bên A đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 198/2015/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 26/06/2015 và ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS vào ngày 12/06/2014, theo đó đã đồng ý và phê chuẩn (i) việc hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Bên B bằng cổ phiếu của Bên A; (ii) các nội dung chính của Hợp Đồng hoán đổi giữa Bên A và Bên B; và (iii) ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) của từng Bên tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và thông qua Hợp Đồng.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa hai bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng sáp nhập này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- 1.1. Hợp đồng: là Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Công Ty Cổ Phần Đường Biên Hòa và Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa, tức Hợp đồng này.
- 1.2. Giao Dịch Sáp Nhập: là việc Bên A phát hành thêm cổ phần để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của bên B theo Hợp đồng sáp nhập này. Sau khi kết thúc việc hoán đổi, Bên A trở thành chủ sở hữu duy nhất của Bên B.
- 1.3. Công Ty Mới: Sau khi hoán đổi Bên B sẽ chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bên A sở hữu 100% vốn với các thông tin như được quy định tại Phụ Lục I của Hợp đồng này.
- 1.4. Ngày hoàn thành: là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 2.2 được đáp ứng toàn bộ.
- 1.5. Ngày Ký Kết: là ngày ký kết hợp đồng này.
- 1.6. Ngày Hoán Đổi: là ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A.
- 1.7. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

- 1.8. HĐQT: Hội đồng quản trị
- 1.9. BKS: Ban kiểm soát.
- 1.10. GCNĐKDN: Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.11. UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 2. SÁP NHẬP CÔNG TY

- 2.1. Tùy thuộc vào việc hoàn tất các điều kiện như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên B sẽ được sáp nhập vào Bên A và được tổ chức lại như sau ("**Giao Dịch Sáp Nhập**"):
 - a. Hiện tại Bên A đang nắm giữ 400.920 cổ phần của Bên B, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 0,66%. Do đó để sở hữu 100% tổng số cổ phần đang lưu hành của Bên B, Bên A cần phát hành thêm để hoán đổi 60.349.080 cổ phiếu còn lại của Bên B mà Bên A chưa sở hữu. Sau khi hoàn tất việc hoán đổi tất cả các cổ đông của Bên B sẽ trở thành cổ đông của Bên A.
 - b. Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phần theo Hợp Đồng này, Bên B sẽ được chuyển đổi thành một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bên A sở hữu 100% vốn ("**Công Ty Mới**") với các thông tin như được quy định tại Phụ Lục I của Hợp đồng này. Toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên B ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Bên B và nhân viên của Bên B ...) sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Công Ty Mới.
 - c. Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phần theo Hợp Đồng này, Vốn điều lệ của Bên A sẽ được tăng thêm một khoản tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông thực tế mà Bên A đã phát hành thêm nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, để hoán đổi 100% cổ phần của Bên B phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.
- 2.2. Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ ("**Ngày Hoàn Thành**"):
 - a. Bên A đã hoàn thành việc phát hành thêm 60.349.080 cổ phần phổ thông (do tại thời điểm ký hợp đồng hoán đổi, Bên A đang nắm giữ 400.920 cổ phần của Bên B) để hoán đổi toàn bộ 60.750.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tương ứng 100% cổ phần đang lưu hành của Bên B cho tất cả các cổ đông của Bên B và cổ phần được quyền chào bán (cổ phiếu quỹ) của Bên B (nếu có) theo quy định tại Điều 5 dưới đây;
 - b. Bên A được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp ("**GCNĐKDN**") sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để hoán đổi 100% cổ phần phổ thông của Bên B; và
 - c. Công Ty Mới đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNĐKDN.

- 2.3. Tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày Hoàn Thành, nếu có bất kỳ hành động bổ sung nào được cho là cần thiết và thỏa đáng để thực hiện các mục đích của Hợp Đồng này và để cho Công Ty Mới tiếp nhận các quyền, quyền sở hữu và quyền chiếm hữu đối với tất cả các tài sản, quyền, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B, Bên A và Công Ty Mới sẽ thực hiện tất cả các hành động hợp pháp và cần thiết đó. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các Bên thống nhất rằng tất cả các tài sản, quyền lợi, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B sẽ được chuyển sang cho Công Ty Mới, cùng với tất cả các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Bên B sẽ trở thành các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Công Ty Mới mà không phụ thuộc vào việc Bên A và/hoặc Công Ty Mới có tiến hành các công việc quy định tại Điều 2.3 này hoặc các hành động khác mà Bên A và Công Ty Mới phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành theo các quy định khác của Hợp Đồng này hay không.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

Giao Dịch Sáp Nhập chỉ được thực hiện khi các điều kiện dưới đây được đáp ứng:

- a. Hợp Đồng này được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi HĐQT của Bên A và Bên B và được đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B ký kết.
- b. Điều lệ của Bên A sau sáp nhập được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của cả Bên A và Bên B.
- c. Điều lệ của Công Ty Mới đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi HĐQT của Bên A thông qua.
- d. Bên B đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên B, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên B và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên B tham gia.
- e. Bên A đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên A, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên A và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên A tham gia.
- f. Bên A và Bên B đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập cho tất cả người lao động của Bên A và Bên B.
- g. Giao Dịch Sáp Nhập này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- h. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có hay nên có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy Chứng Nhận Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng (“Giấy Chứng Nhận Chào Bán”) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp cho Bên A để phát hành thêm số cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) cho tất cả cổ đông của Bên B để hoán đổi lấy toàn bộ 60.750.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Bên B

tương ứng với 100% tổng số cổ phần của Bên B hiện đang lưu hành và cổ phần được quyền chào bán (cổ phiếu quỹ) của Bên B (nếu có) theo tỷ lệ chuyển đổi như được quy định tại Điều 5 dưới đây.

- i. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao Dịch Sáp Nhập theo yêu cầu của Luật Chứng Khoán.
- j. Bên A nhận được các tài liệu như được liệt kê tại Điều 4.2.(b) dưới đây.
- k. Bên A và Bên B thực hiện hoặc tuân thủ, trên mọi khía cạnh, tất cả những thỏa thuận được quy định trong Hợp Đồng này vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành.
- l. Vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Bên A và Bên B được quy định tương ứng tại Hợp Đồng này vẫn đúng.

ĐIỀU 4. THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

4.1. Các hành động đã được các Bên thực hiện trước Ngày Ký Kết:

- a. ĐHĐCĐ của Bên A và ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua (i) các nội dung chính của Hợp Đồng này; (ii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A; và (iii) ủy quyền cho HĐQT của Bên A và Bên B tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và ký kết Hợp Đồng này;
- b. HĐQT của Bên A và HĐQT của Bên B đã thông qua Hợp Đồng này tương ứng theo các nghị quyết số ... ngày ... và nghị quyết số ... ngày ...;
- c. Các Bên đã nhận được công văn của Cục Quản Lý Cảnh Tranh – Bộ Công Thương cho phép/không phản đối các Bên thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập.
- d. Bên A đã nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán do UBCKNN cấp cho phép Bên A phát hành thêm cổ phần phổ thông để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của Bên B.
- e. Bên A và Bên B phải thông báo cho người lao động của mình về Giao Dịch Sáp Nhập.

4.2. Các hành động phải được thực hiện sau Ngày Ký Kết:

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày Ký Kết, Bên A và Bên B, tùy từng trường hợp, phải tiến hành các công việc sau:

- a. Bên A và Bên B phải thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của mình theo các quy định tại các hợp đồng, tài liệu giao dịch mà Bên A và Bên B đã ký kết với các chủ nợ của mình.
- b. Bên B gửi cho Bên A các tài liệu sau:
 - (i) Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ;
 - (ii) Danh mục các hợp đồng của Bên B (bao gồm cả các hợp đồng thuê đất);
 - (iii) Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên B kèm theo bản sao công chứng của các tài liệu này;

- (iv) Danh sách các công ty con, công ty liên kết, tổ chức mà Bên B có cổ phần hoặc phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng của Bên B trong các công ty, tổ chức này;
- (v) Danh sách người lao động của Bên B và phương án, kế hoạch sử dụng người lao động của Bên B sau Ngày Hoàn Thành;
- (vi) Danh sách các khoản nợ phải trả và phương án giải quyết đối với các khoản nợ, các giao dịch và nghĩa vụ tài sản kèm theo; và
- (vii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất.

4.3. Các hành động để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập:

- a. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán ("**Ngày T**"), Bên A và Bên B phải tiến hành việc công bố thông tin về Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- b. Trong vòng 25 ngày làm việc kể từ Ngày T, Bên B phải tiến hành các công việc sau:
 - (i) thông báo đề nghị tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("**TTLKCK**") và làm các thủ tục có liên quan để chốt danh sách cổ đông ("**Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền**") của Bên B được hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A;
 - (ii) Gửi Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền cho Bên A.
- c. Tại ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A ("**Ngày Hoán Đổi**"), Bên A tiến hành phân bổ cổ phần cho các cổ đông của Bên B dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phần tại Điều 5 của Hợp Đồng này theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền.
- d. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ Ngày Hoán Đổi, Bên A phải tiến hành:
 - (i) Tổng hợp kết quả của đợt phát hành cổ phần và thông báo kết quả cho UBCKNN;
 - (ii) Tiến hành thủ tục thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh của Bên A tại cơ quan quản lý Nhà nước về đăng ký kinh doanh tại tỉnh Đồng Nai để được cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để hoán đổi 100% cổ phần phổ thông của Bên B; và
 - (iii) Bên A phải tiến hành việc đăng ký chuyển đổi Bên B thành Công Ty Mới tại cơ quan quản lý Nhà nước về đăng ký kinh doanh tại tỉnh Khánh Hòa để được cấp GCNĐKDN.
 - (iv) Bên A phải nộp hồ sơ xin lưu ký bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho TTLKCK để nhận chấp thuận lưu ký bổ sung

- (v) Bên A phải nộp hồ sơ xin niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho HSX để nhận chấp thuận niêm yết bổ sung.

4.4. Các hành động phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được GCNĐKDN của Công Ty Mới, Bên A và Công Ty Mới phải tiến hành các công việc sau đây:

- a. Thực hiện các thủ tục trả dấu của Bên B và xin cấp con dấu mới cho Công Ty Mới;
- b. Tiến hành các thủ tục cần thiết để (i) tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của Bên B; (ii) thay đổi tên chủ sở hữu thành Công Ty Mới đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết); (iii) thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thành tên Công Ty Mới; (iv) ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế các hợp đồng thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết); và (iv) tất cả các công việc cần thiết khác để Công Ty Mới kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này;

Để tránh hiểu nhầm các Bên thống nhất rằng không phụ thuộc vào việc Công Ty Mới có thực hiện hoặc thực hiện xong các công việc nêu tại Điều 4.4 này hay không, vào và kể từ Ngày Hoàn Thành, Công Ty Mới sẽ có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, như thể là Bên B, đối với tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B.

ĐIỀU 5. HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

5.1. Vào Ngày Hoán Đổi, Bên A sẽ phát hành thêm cổ phần của mình (mã giao dịch trên HSX là BHS) cho các cổ đông của Bên B theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền để đổi lấy 100% cổ phần của Bên B theo phương thức sau:

- a. Tỷ lệ hoán đổi cổ phần phổ thông của Bên B sang cổ phần phổ thông của Bên A là: 1:1 (tức là 1 cổ phần phổ thông của Bên B sẽ đổi được 1 cổ phần phổ thông của Bên A (mã giao dịch trên HSX là BHS).
- b. Do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên sẽ không làm phát sinh cổ phiếu lẻ.
- c. Tỷ lệ hoán đổi nêu tại Điều 5.1 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp.
- d. Trong trường hợp tại Ngày Hoán Đổi, nếu Bên B có bất kỳ cổ phần được quyền chào bán nào (cổ phiếu quỹ) thì tất cả các cổ phần được quyền chào bán đó cũng sẽ được hoán đổi thành cổ phần phổ thông của Bên A (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Điều 5 nêu trên và toàn bộ số cổ phần này sau khi hoán đổi sẽ trở thành cổ phần được quyền chào bán của Bên A.

- 5.2. Kể từ khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần, các cổ đông của Bên B (theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền) sẽ trở thành cổ đông của Bên A và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phần của Bên A mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Hợp Đồng này. Đồng thời Bên A sẽ sở hữu toàn bộ cổ phần của Bên B, trở thành chủ sở hữu duy nhất của Bên B với đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của chủ sở hữu duy nhất của Bên B .
- 5.3. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng vào Ngày Hoán Đổi mọi cổ đông trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền của Bên B sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Bên A hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phần của Bên A.
- 5.4. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền là cổ đông của Bên B và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của họ trong Bên B thành cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền thì Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ có giá trị sử dụng và Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
- 5.5. Kể từ thời điểm kết thúc việc hoán đổi cổ phần như quy định tại Hợp Đồng này, tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần liên quan đến các cổ phần của Bên B (nếu có) sẽ bị coi là đã hủy bỏ và không còn có giá trị và các cổ đông của Bên B sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phần đó cũng như liên quan đến vốn điều lệ của Công Ty Mới.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Trong khoảng thời gian từ khi ký kết Hợp Đồng đến Ngày Hoàn Thành, Bên B cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:
 - a. Sử dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để duy trì và tiếp tục hoạt động kinh doanh và các cơ hội trong kinh doanh như trước khi ký kết Hợp Đồng;
 - b. Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình, không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, công bố hay chi trả cổ tức, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của các bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng và đã tiến hành thông báo trước cho Bên A;
 - c. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là Bên A hoặc Công Ty Mới sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên thứ

ba sau khi sáp nhập xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của các bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng;

- d. Không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại Bên B;
 - e. Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện; không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;
 - f. Sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để (i) giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng; (ii) duy trì công việc của những người lao động hiện tại; và (iii) giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, bên cấp li-xăng, bên nhận li-xăng và các cá nhân, tổ chức khác mà Bên B có quan hệ kinh doanh.
- 6.2. Bên B có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ tài sản, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- 6.3. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật.
- 6.4. Bên B có nghĩa vụ phối hợp cùng Bên A tiến hành thủ tục chuyển đổi Bên B thành Công Ty Mới và các thủ tục có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn: đăng ký ký thay đổi mẫu dấu, đăng ký thuế (nếu có) và các thủ tục chuyển đổi tài liệu giấy tờ khác đứng tên Công Ty Mới v.v.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 7.1. Được đăng ký là chủ sở hữu duy nhất của Công Ty Mới khi thực hiện chuyển đổi.
- 7.2. Đảm bảo rằng Công Ty Mới sẽ chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B theo đúng các phương án xử lý quy định tại Hợp Đồng này kể từ ngày hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập.
- 7.3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định pháp luật.
- 7.4. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan sau khi Giao Dịch Sáp Nhập được hoàn tất.
- 7.5. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng, việc triển khai các dự án cũng như các hoạt động khác của Bên B. Việc kiểm tra theo điều này không ảnh hưởng dưới hình thức nào các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.

- 7.6. Tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng.

ĐIỀU 8. CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CỦA CÁC BÊN

- 8.1. Mỗi Bên cam kết và cùng bảo đảm cho Bên kia rằng:
- a. Các thông tin và chứng từ đề cập tại Hợp Đồng này liên quan đến bên đó là đúng và chính xác;
 - b. Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành; đồng thời tất cả các phê chuẩn, chấp thuận và bất kỳ sự cho phép cần thiết nào để Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện, đều đã đạt được;
 - c. Bên đó có đầy đủ năng lực và thẩm quyền để giao kết và thực hiện Hợp Đồng này;
 - d. Bên đó đã có đủ tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ, Quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép đó phải còn hiệu lực, còn tồn tại và không bị thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ trong bất kỳ trường hợp nào;
 - e. Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên đó là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên đó cho bên thứ ba;
 - f. Bên đó có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con, công ty liên kết như đã tiết lộ và thông báo cho Bên kia;
 - g. Không có bất kỳ sự kiện tụng, thủ tục tố tụng hoặc điều tra nào đối với Bên đó và/hoặc công ty con, công ty liên kết của Bên đó dẫn đến việc làm vô hiệu và/hoặc làm mất khả năng thi hành các thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
 - h. Bên đó sẽ thông báo cho Bên kia tất cả và bất kỳ thông tin, ý kiến, phê chuẩn, chấp thuận hoặc sự cho phép cần thiết nào từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng hoặc các hoạt động khác của các bên có liên quan;
- 8.2. Mỗi Bên có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra.
- 8.3. Các Bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất.

- 8.4. Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp Đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng, bao gồm cả các phí trong việc chứng thực Hợp Đồng và các tài liệu liên quan.
- 8.5. Các Bên thống nhất chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, một công ty được thành lập theo Quyết định số 01/UBCK-GP do Bộ Tài chính cấp, trụ sở tại số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh tại 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM thực hiện tư vấn công tác hoán đổi và niêm yết bổ sung phần cổ phiếu phát hành.
- 8.6. Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp Đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- 8.7. Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo Hợp Đồng này, mỗi Bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
- 8.8. Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết Hợp Đồng theo các quy định của Hợp Đồng này.
- 8.9. Các Bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp Đồng.
- 8.10. Các Bên cam kết rằng kể từ Ngày Hoán Đổi cho đến Ngày Hoàn Thành, không bên nào tiến hành việc phát hành thêm cổ phần (ngoại trừ việc phát hành cổ phần của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này), chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình.
- 8.11. Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày Hoàn Thành, Bên B không phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào (bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác) và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phần ưu đãi nào của Bên B;
- 8.12. Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày Hoàn Thành, Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phần của Bên B và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Bên B.

ĐIỀU 9. CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 9.1. Công Ty Mới sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, công nợ từ Bên B kể từ Ngày Hoàn Thành theo quy định pháp luật, cụ thể:
 - a. Quyền sử dụng đất của Bên B được chuyển nhượng cho Công Ty Mới kể từ Ngày Hoàn Thành. Công Ty Mới sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để ký lại hoặc điều chỉnh hợp đồng thuê đất hiện tại với bên cho thuê đất của Bên B.

- b. Kể từ Ngày Hoàn Thành, Công Ty Mới có quyền sở hữu như Bên B đối với các nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả hay các quyền sở hữu trí tuệ khác hiện được sở hữu bởi hoặc được cấp cho Bên B ("**Sở Hữu Trí Tuệ**"). Công Ty Mới sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết với các bên thứ ba và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận quyền sở hữu đối với các Sở Hữu Trí Tuệ này.
 - c. Công Ty Mới sẽ bị ràng buộc bởi bất cứ hợp đồng nào hiện có hiệu lực được ký kết giữa Bên B và bên thứ ba.
 - d. Công Ty Mới sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ về thuế và các quyền và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước của Bên B kể từ Ngày Hoàn Thành theo quy định pháp luật.
- 9.2. Công Ty Mới sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các Nhân Viên của Bên B ("**Nhân Viên**"), để cho Giao Dịch Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các Nhân Viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Nhân Viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Công Ty Mới. Công Ty Mới và người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có). Đối với Nhân Viên của Bên B không muốn tiếp tục làm việc với Công Ty Mới, Công Ty Mới sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo pháp luật lao động Việt Nam.
- 9.3. Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát ("**BKS**") của Bên B, để đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của Công Ty Mới, Bên A sẽ tiến hành bổ nhiệm tương ứng các thành viên HĐQT này giữ vị trí thành viên Hội đồng thành viên của Công Ty Mới và các thành viên BKS này giữ vị trí kiểm soát viên của Công Ty Mới phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công Ty Mới.
- 9.4. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của Bên B từ khi thành lập đến Ngày Hoàn Thành phải được chuyển giao cho Bên A hoặc Công Ty Mới trong vòng mười ngày làm việc kể từ Ngày Hoàn Thành.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 10.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký.
- 10.2. Hợp Đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
- a. Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất vào theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng này; hoặc
 - b. Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
 - c. Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Sáp Nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của một Bên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
 - d. Một hoặc các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

- 10.3. Trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 10.2.(c), mỗi bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.
- 10.4. Trong trường hợp Hợp Đồng này bị một bên chấm dứt theo quy định tại Điều 10.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến việc Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng này. Các kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực.
- 11.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp Đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp Đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thoả thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp Đồng sẽ được các Bên xử lý theo thoả thuận giữa các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 11.3. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp Đồng này, nếu có gì vướng mắc các bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Trong trường hợp các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền vào thời điểm đó.
- 11.4. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền, toàn bộ hoặc một phần, Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp Đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với các Bên trong Hợp Đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 11.5. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

Gửi cho Bên A:

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 061. 3836199

Fax: 061. 3836213

Người liên hệ:

Gửi cho Bên B:

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 058 362 0040

Fax: 058 362 0143

Người liên hệ: bà Nguyễn Thị Hoa.

- 11.6. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản; được Hội Đồng Quản Trị của các Bên phê chuẩn; và được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết thông qua.
- 11.7. Các phụ lục đính kèm Hợp Đồng này là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 11.8. Hợp Đồng này làm thành 06 (sáu) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện.

Để ghi nhận các thỏa thuận trong hợp đồng này, đại diện của các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
...

ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

...

NGUYỄN THỊ HOA

PHỤ LỤC 1
DỰ THẢO NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY MỚI

1. Tên gọi tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA**
2. Tên nước ngoài: **BIEN HOA - NINH HOA SUGAR CO., LTD**
3. Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
 - (a) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - (b) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện. Mua bán điện;
 - (c) Bán buôn nông sản, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ. Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - (d) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - (e) Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công, chế tạo cơ khí;
 - (f) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - (g) Sản xuất phân bón và hợp chất nito. Chi tiết: sản xuất phân bón;
 - (h) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi;
 - (i) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
5. Chế độ kế toán: Hạch toán độc lập.
6. Vốn Điều lệ đăng ký: **607.500.000.000** đồng (Sáu trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm triệu đồng).
7. Cơ cấu vốn chủ sở hữu: 100% Vốn Điều lệ thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
8. Chủ sở hữu công ty: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
9. Mô hình hoạt động: Công ty Cổ phần Biên Hòa và Công ty TNHH một thành viên đường Biên Hòa - Ninh Hòa sẽ hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
10. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:
 - (a) Hội đồng Thành viên: các thành viên của Hội đồng Thành viên là các thành viên HĐQT của Bên B.
 - (b) Ban Giám đốc: Tuỳ thuộc vào cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên đường Biên Hòa - Ninh Hòa. Tuy nhiên, trước mắt để đảm bảo sự ổn định của Công ty sau khi sáp nhập nên Ban Giám đốc sẽ được giữ nguyên.
 - (c) Kiểm soát viên: các kiểm soát viên của Công Ty Mới là các thành viên BKS của Bên B.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Tháng 7 năm 2015

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG I – ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
CHƯƠNG II – TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III – MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV – VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	9
CHƯƠNG V – CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	10
CHƯƠNG VI – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	14
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22

CHƯƠNG VII – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
CHƯƠNG VIII – TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	29
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 30. Cán bộ quản lý	30
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	30
Điều 32. Thư ký Công ty	31
CHƯƠNG IX – NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng	32
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG X – BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36. Kiểm soát viên.....	33
Điều 37. Ban kiểm soát.....	34
CHƯƠNG XI – QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
CHƯƠNG XII – CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	36
CHƯƠNG XIII – PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	36
Điều 40. Cổ tức	36
Điều 41. Phân phối lợi nhuận.....	37
CHƯƠNG XIV – TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	37
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 43. Trích lập quỹ	38
Điều 44. Năm tài chính	38
Điều 45. Chế độ kế toán.....	38
CHƯƠNG XV – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	38
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	38
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	39
CHƯƠNG XVI – KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 48. Kiểm toán	39

CHƯƠNG XVII – CON DẤU	40
Điều 49. Con dấu	40
CHƯƠNG XVIII – CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	40
Điều 52. Gia hạn hoạt động	40
Điều 53. Thanh lý	41
CHƯƠNG XIX – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG XX – BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
CHƯƠNG XXI – NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 56. Ngày hiệu lực	42
Điều 57. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty./.	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty cổ phần Đường Biên Hòa thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 26 tháng 06 năm 2015.

CHƯƠNG I – ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II – TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
 - Tên tiếng Anh: BIEN HOA SUGAR JOINT STOCK COMPANY
 - Tên giao dịch: BIEN HOA SUGAR JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt: BSJC.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Phường An Bình, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - Điện thoại: 0613.836199
 - Fax: 0613.836213
 - E-mail: bhs@bhs.vn
 - Website: www.bhs.vn
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

CHƯƠNG III – MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - a. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường, sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường;
 - b. Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường;
 - c. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường;
 - d. Thi công các công trình xây dựng và công nghiệp;
 - e. Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường;
 - f. Dịch vụ vận tải;
 - g. Dịch vụ ăn uống;
 - h. Đầu tư kinh doanh bất động sản;
 - i. Sản xuất và kinh doanh cồn;
 - j. Cho thuê kho bãi;
 - k. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm rượu các loại;
 - l. Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp.

- m. Đầu tư tài chính thông qua các hoạt động: đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán.
 - n. Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Mục tiêu chung của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu được nhiều lợi nhuận; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG IV – VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.233.439.980.000 VND (Một ngàn hai trăm ba mươi ba tỉ bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 123.343.998 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND.
2. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí 01 (một) chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như nội dung phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V – CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ

- phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.3;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại **Điều 114 và Điều 136** Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công

ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu (6) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh *vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ*;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại

Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong

- báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.
5. Quy định tại khoản 2 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các **sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này** trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp nêu tại khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội **trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp** Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên.
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm chủ toạ cuộc họp, trường hợp Phó chủ tịch cũng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp; Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số

đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ, (d) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều

khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc/Tổng giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

3. **Nghị quyết** của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ; **Nghị quyết phải được** thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua **hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản này.**

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị

quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị khi được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết thông qua. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt.
- 2. **Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**
 - a. Phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - b. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;
 - c. Phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty; Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội Đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu Hội Đồng Quản Trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội Đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu Hội Đồng Quản Trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới

40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bỏ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bỏ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bỏ nhiệm có hiệu lực. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
7. Việc bỏ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những

quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; Ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý **đối với** cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Quyết định việc phát hành trái phiếu và đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
 - h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập, giải thể, phá sản các công ty con của Công ty.
 - c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14, Khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc các khoản đầu

- tu vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - l. Các định mức Kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trừ khi pháp luật quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất *năm ngày* trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3. Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 2 ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu:
- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
 - b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Biểu quyết.
- a. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 - b. Trừ quy định tại Khoản 9c Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một

phiếu biểu quyết;

- c. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - d. Theo quy định tại Khoản 9e Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo

Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII – TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng

giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám Đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - c. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - d. Vào ngày 30 tháng 04 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 - e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

thông qua;

- f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX – NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thân trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích họ đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch đó cũng như mối quan hệ và lợi ích của họ đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản

trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X – BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên phải gồm có ba đến năm thành viên, trong đó có ít nhất 02 thành viên thường trú tại Việt Nam. Kiểm soát viên phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Các kiểm soát viên phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát và Trưởng ban phải làm việc chuyên trách tại Công ty (trừ bộ phận kế toán, tài chính của Công ty). Trưởng Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
 - b. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực hành vi;
 - d. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong thời hạn 6 tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - ii. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - iii. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và

trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho **Kiểm soát viên** vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Mức thù lao, tiền lương cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên được Công ty thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG XI – QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ

- quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
 4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII – CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII – PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc

hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

Đối tượng được trích	Mức trích % lợi nhuận ròng
Lập quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Lập quỹ tích lũy tái đầu tư phát triển	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Lập quỹ khen thưởng phúc lợi xã hội	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Các loại quỹ khác	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Chia cổ tức	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG XIV – TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Trích lập quỹ

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) dương lịch tháng Bảy (7) dương lịch và kết thúc vào ngày Ba mươi (30) tháng Sáu (6) dương lịch của năm tiếp theo. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc Chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn bốn tháng kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối

mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty và theo quy định pháp luật.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI – KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết (do Ban kiểm soát đề trình) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ định một công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt như trên tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII – CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty.
2. Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của công ty.

CHƯƠNG XVIII – CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động Công ty sẽ được gia hạn thêm khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX – BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI – NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc sửa đổi bằng Nghị quyết số 198/2015/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2015.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

- c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THỊ HOA